

Bản tin Phân tích kỹ thuật

14/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 thiết lập lại tín hiệu tăng giá nhờ đóng cửa trên đường MA20 và MA50. Hợp đồng đang mang khuynh hướng kiểm định lại vùng 2.085-2.095 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 2.060 điểm, mục tiêu là 2.085 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa vi phạm 2.050 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.060 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.085 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.050 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- Chỉ số VN-Index thiết lập mức cao mới (xét về giá đóng cửa). Về thanh khoản, chỉ số vận động tăng giá trên thanh khoản giảm cho thấy hoạt động mua tuy lấn át nhưng chưa cải thiện nổi bật trên các nhóm ngành. Tuy nhiên, mức thanh khoản thấp này cũng thể hiện hoạt động bán trên nhóm Dầu khí, Công nghiệp, Vật liệu, Bảo hiểm, Năng lượng được tiết chế ở mức thấp.
- Về mặt kỹ thuật, việc VN-Index vượt MA5 (1.907 điểm) cho thấy quán tính tăng tiếp tục được duy trì, qua đó mở ra khả năng hướng lên vùng 1.950–1.970 điểm. Hỗ trợ gần hiện nằm tại khu vực 1.900–1.910 điểm. Ngoài ra, chỉ số thiết lập mốc cao mới và không bị tác động mạnh từ áp lực bán, tín hiệu này củng cố triển vọng tăng giá trong phiên 15/05.
- Hiện tại, phần lớn các nhóm ngành vẫn duy trì khả năng tăng giá trong thời gian tới. Trong ngắn hạn, nhóm Ngân hàng và Bán lẻ là hai nhóm có xác suất tăng giá nổi bật hơn mặt bằng chung xét trên tín hiệu kỹ thuật của các cổ phiếu thành phần.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



Nguồn: Vietcap

MBB

- MBB điều chỉnh giảm trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, MBB đang tiếp cận hỗ trợ quan trọng MA200 (quanh 25.750). Đáng chú ý, thanh khoản giữ ở mức thấp quanh hỗ trợ cho thấy lực bán đã giảm đáng kể.
- Khuyến nghị mở trạng thái mua mới ngắn hạn trên MBB, tỷ trọng thăm dò và dừng lỗ khi vi phạm mốc 25.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
25.500-25.750	28.000	25.000



Nguồn: Vietcap

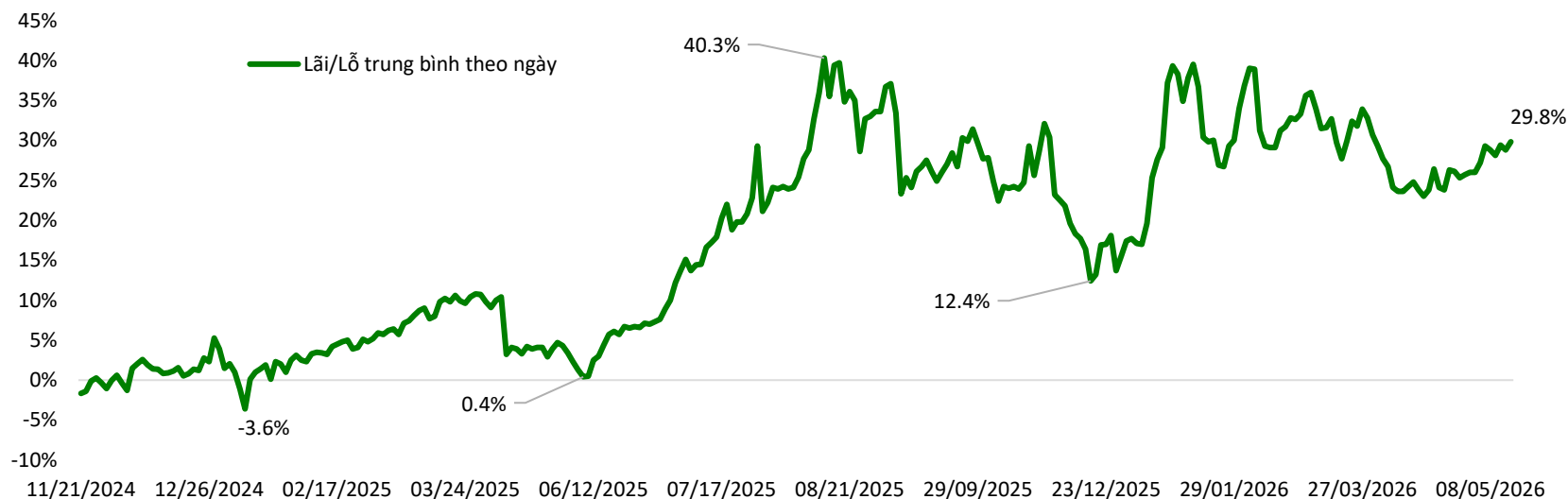
HDB

- HDB vượt các đường MA20, MA50 và MA200, xác nhận xu hướng tăng với khả năng tiếp cận vùng đỉnh quanh 30.000.
- Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên HDB với mục tiêu là vùng 30.000. Dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 26.800.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
27.400-27.800	29.500-30.000	26.800

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTG	29/04/2026		Đang mở	35,950	34,750	3.5%	33,000	37,800		
MWG	29/04/2026		Đang mở	84,200	84,300	-0.1%	81,500	92,700		
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,000	47,500	-1.1%	46,000	53,600		
DXG	07/05/2026		Đang mở	16,000	15,450	3.6%	15,000	17,500		
VPL	07/05/2026		Đang mở	89,800	88,000	2.0%	83,500	105,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	229,800	3.98%	2.59%	1,770,846	13.352	1,506	12.0	152.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VHM	157,000	2.95%	-2.79%	644,864	3.603	15,766	2.5	10.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VCB	61,000	1.50%	1.16%	509,696	1.445	4,301	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VPB	28,650	3.24%	1.78%	227,307	1.396	3,314	1.3	8.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	73,900	4.53%	1.23%	125,889	1.079	5,691	3.2	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	43,550	1.75%	6.61%	317,047	1.052	4,392	1.7	9.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	134,000	3.08%	1.75%	173,458	1.011	5,341	10.1	25.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	83,600	2.20%	10.00%	201,723	0.841	4,808	2.9	17.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CTG	35,950	1.13%	0.42%	279,222	0.595	4,906	1.5	7.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	34,000	1.19%	0.89%	240,932	0.543	3,677	1.4	9.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	34,150	3.48%	-6.44%	77,600	0.512	3,025	1.6	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	51,000	2.10%	-0.97%	117,891	0.469	2,668	2.6	19.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	36,200	-1.63%	0.98%	144,800	-0.447	1,572	2.5	23.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	33,200	-2.35%	-4.32%	80,839	-0.360	1,791	2.7	18.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	52,100	1.16%	7.68%	155,637	0.342	3,738	3.2	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	84,300	-4.20%	1.69%	75,852	-0.915	14,074	4.4	6.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
THD	46,200	10.00%	45.28%	17,787	0.511	271	4.0	170.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,000	1.91%	0.00%	17,093	0.094	491	1.6	32.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	40,500	-1.22%	4.11%	20,713	-0.072	3,781	1.3	10.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NVB	10,700	-0.93%	-0.93%	20,594	-0.055	43	1.5	247.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	44,000	0.92%	-4.56%	16,698	0.044	4,899	2.5	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIF	15,600	-1.89%	-1.27%	5,460	-0.030	1,382	1.1	11.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	19,300	-0.52%	-1.53%	19,318	-0.029	1,755	2.3	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NDN	11,500	9.52%	10.58%	824	0.023	1,754	0.7	6.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DL1	5,500	7.84%	7.84%	993	0.022	190	0.5	29.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

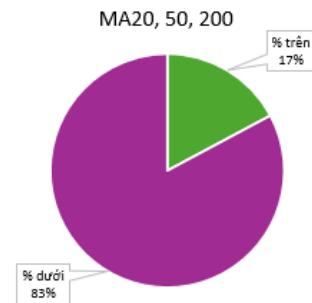
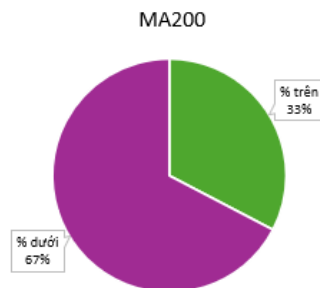
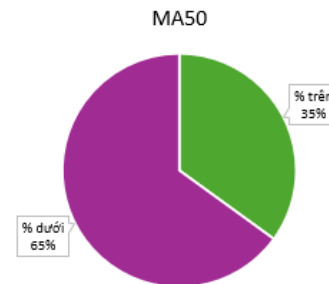
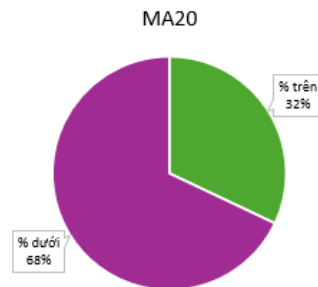
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DNH	45,100	14.76%	-1.96%	19,050	0.070	2,486	3.6	18.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	35,700	-15.00%	-15.00%	7,497	-0.028	-496	5.1	-72.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	85,600	1.54%	9.88%	63,920	0.025	4,791	5.4	18.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	41,300	-2.13%	3.25%	45,695	-0.024	700	3.6	59.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	44,300	-0.45%	-0.67%	159,252	-0.018	2,980	2.2	14.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DCV	154,000	12.90%	2.67%	4,805	0.015	0	0.0	0.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIN	127,300	3.50%	-10.29%	11,283	0.010	15,995	4.6	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
AIG	47,000	4.44%	4.44%	7,921	0.009	5,878	1.2	7.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	35,000	-2.23%	-5.41%	13,927	-0.008	589	3.1	59.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
VUA	14,000	-10.26%	-10.83%	2,805	-0.007	386	1.4	36.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	229,800	4.0%	843.9	807.0	38,250	226,000	12.0	152.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
LPB	52,100	1.2%	44.2	79.8	29,484	51,503	3.2	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PC1	18,050	-0.6%	88.8	192.8	18,100	31,350	1.1	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			14/05/2026	13/05/2026	12/05/2026	11/05/2026	08/05/2026	07/05/2026	06/05/2026	05/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	30%	29%	30%	30%	28%	30%	30%	30%
		Dưới	70%	71%	70%	70%	72%	70%	70%	70%
	MA50	Trên	40%	39%	40%	38%	37%	37%	40%	35%
		Dưới	60%	61%	60%	62%	63%	63%	60%	65%
	MA20	Trên	36%	35%	33%	33%	32%	37%	42%	36%
		Dưới	64%	65%	67%	67%	68%	63%	58%	64%
VN30	MA200	Trên	57%	57%	53%	50%	53%	53%	50%	50%
		Dưới	43%	43%	47%	50%	47%	47%	50%	50%
	MA50	Trên	60%	60%	60%	60%	60%	57%	60%	50%
		Dưới	40%	40%	40%	40%	40%	43%	40%	50%
	MA20	Trên	60%	53%	43%	50%	53%	60%	67%	57%
		Dưới	40%	47%	57%	50%	47%	40%	33%	43%
HNX	MA200	Trên	33%	33%	33%	34%	35%	35%	36%	35%
		Dưới	67%	67%	67%	66%	65%	65%	64%	65%
	MA50	Trên	39%	37%	34%	34%	34%	35%	35%	34%
		Dưới	61%	63%	66%	66%	66%	65%	65%	66%
	MA20	Trên	33%	33%	33%	34%	35%	35%	36%	35%
		Dưới	67%	67%	67%	66%	65%	65%	64%	65%
UPCOM	MA200	Trên	30%	28%	28%	29%	28%	29%	29%	29%
		Dưới	70%	72%	72%	71%	72%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	32%	30%	31%	31%	30%	30%	30%	29%
		Dưới	68%	70%	69%	69%	70%	70%	70%	71%
	MA20	Trên	34%	34%	36%	34%	35%	35%	37%	36%
		Dưới	66%	66%	64%	66%	65%	65%	63%	64%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 5										Tháng 4									
		14 +	13	12	11	08	07	06	05	04	29	28	24	23	22	21	20	17	16	15	14
1	Tài nguyên Cơ bản	57	56	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58	58	63	62	64	58	59	61	54
2	Dầu khí	57	50	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36	36	38	38	37	38	37	38	41
3	Ngân hàng	54	54	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59	59	57	57	55	53	53	57	56
4	Hàng & Dịch vụ Cón...	54	52	52	52	53	53	51	48	46	45	47	51	51	51	48	45	45	45	48	49
5	Bất động sản	53	54	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64	62	64	64	66	67	68	67	64
6	Hóa chất	51	50	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46	46	49	47	45	40	39	42	41
7	Du lịch và Giải trí	50	51	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50	56	58	61	57	57	57	50	45
8	Thực phẩm và đồ uố...	49	49	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58	58	57	57	56	53	52	53	51
9	Dịch vụ tài chính	44	43	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42	44	47	48	51	51	54	55	54
10	Xây dựng và Vật liệu	42	43	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62	59	61	60	61	59	60	64	63
11	Bán lẻ	38	37	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55	58	64	63	63	59	57	57	58
12	Điện, nước & xăng d...	38	36	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34	37	41	43	48	49	49	52	52
13	Ô tô và phụ tùng	31	32	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52	51	54	55	53	50	51	52	53
14	Bảo hiểm	28	27	24	22	22	20	18	19	17	20	20	25	22	25	27	32	33	37	42	44
15	Hàng cá nhân & Gia ...	28	28	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47	50	54	52	51	49	50	49	51
16	Công nghệ Thông tin	16	12	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26	26	27	24	24	20	23	26	27

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	52,100	1.2%	7.7%	155,637	3.2	13.9	3,738	44.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	30,250	0.2%	18.6%	151,471	2.2	11.6	2,612	485.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	36,200	-1.6%	1.0%	144,800	2.5	23.0	1,572	102.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,800	0.4%	1.1%	139,147	1.7	7.8	3,546	389.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	85,600	1.5%	9.9%	63,920	5.4	18.1	4,791	37.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	35,150	1.0%	11.9%	45,993	2.4	30.9	1,139	643.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,850	1.8%	6.5%	43,212	1.0	7.4	1,884	250.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	81,300	-0.4%	2.3%	34,674	2.5	18.2	4,457	85.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAB	12,450	0.4%	3.0%	25,632	1.0	5.7	2,194	15.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	62,100	0.8%	1.8%	19,875	3.8	71.8	865	364.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	49,000	0.0%	4.3%	17,985	1.7	9.4	5,212	13.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,450	-0.6%	4.9%	11,020	1.2	9.6	2,433	128.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
EVF	13,750	-1.1%	3.4%	10,458	1.0	11.4	1,210	44.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PHR	66,700	1.4%	3.1%	9,038	2.1	13.7	4,885	21.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KOS	38,900	0.5%	1.0%	8,421	3.6	443.4	88	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNG	7,500	-1.3%	1.4%	8,421	7.1	-8.7	-870	59.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPR	42,850	-0.3%	1.8%	3,723	1.4	11.4	3,777	12.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHI	14,800	-1.3%	3.9%	2,515	1.3	56.4	262	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	21,100	-1.9%	11.1%	2,227	3.9	79.2	266	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	19,000	-2.1%	6.7%	1,970	1.0	8.4	2,253	11.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	136,000	-1.1%	-6.7%	23,161	5.2	25.3	5,368	58.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	18,050	-0.6%	-5.2%	7,424	1.1	7.1	2,532	88.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NT2	22,650	-0.2%	-7.0%	6,520	1.3	5.1	4,423	9.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	8,210	0.1%	-5.0%	876	0.7	10.6	772	5.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	60,100	1.3%	-2.3%	125,606	3.8	12.2	4,914	182.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	14,000	0.0%	-0.7%	73,543	1.0	5.4	2,616	532.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	21,250	0.5%	-6.4%	66,119	6.4	7.0	3,035	11.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	60,500	-0.7%	-1.5%	32,770	1.6	12.5	4,858	54.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,300	-0.5%	-1.5%	19,318	2.3	11.0	1,755	30.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	24,750	-0.6%	-3.1%	9,157	1.4	13.8	1,798	39.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	12,200	-0.4%	-2.8%	6,675	0.6	9.9	1,238	38.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	9,990	-0.1%	-1.1%	6,290	0.8	7.3	1,373	19.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	13,900	-0.4%	-2.8%	6,221	0.8	40.4	344	26.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	22,900	0.4%	-3.2%	6,097	1.6	5.7	3,992	7.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HT1	14,200	-1.0%	-3.4%	5,419	1.1	15.0	945	5.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	40,650	-0.9%	-5.5%	4,821	1.7	12.7	3,213	26.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	26,050	-1.0%	-4.4%	4,689	1.5	19.9	1,309	7.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TDP	29,100	0.3%	-2.0%	2,727	2.2	22.8	1,275	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
TNG	19,600	-1.0%	-6.2%	2,523	1.3	6.0	3,269	9.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	5,660	1.1%	-2.4%	2,437	0.5	27.8	204	11.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,000	-1.52%	-0.76%	25,500	93.2%	(143)	1.1	-90.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	50,800	2.63%	-5.75%	91,200	84.2%	6,911	1.3	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,750	1.93%	-1.86%	42,600	82.8%	1,077	1.4	22.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,950	2.47%	-0.19%	45,800	74.1%	1,599	1.0	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	18,050	-0.55%	-5.25%	30,500	68.0%	2,532	1.1	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	73,900	4.53%	1.23%	116,600	64.9%	5,691	3.2	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	26,050	-0.95%	-4.40%	42,400	61.2%	1,309	1.5	19.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,550	0.00%	-2.02%	23,100	58.8%	1,676	0.7	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,000	1.27%	0.34%	66,800	53.7%	2,896	2.2	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TV2	32,650	-1.06%	-5.36%	49,000	48.5%	1,971	1.7	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,100	1.08%	-0.88%	40,800	46.8%	2,153	1.8	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	40,500	-1.22%	4.11%	60,000	46.3%	3,781	1.3	10.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDG	24,750	-0.60%	-3.13%	36,200	45.4%	1,798	1.4	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	27,050	-0.18%	-0.74%	38,900	43.5%	2,749	1.5	9.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	22,000	-1.79%	0.00%	31,900	42.4%	(99)	1.4	-223.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	22,800	1.33%	-0.44%	32,000	42.2%	3,167	1.2	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	134,000	3.08%	1.75%	181,700	39.8%	5,341	10.1	25.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,650	3.24%	1.78%	38,000	36.9%	3,314	1.3	8.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	25,850	0.19%	-0.96%	35,000	35.7%	3,442	1.5	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,800	-0.23%	0.23%	58,700	33.7%	4,807	1.6	9.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn